TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/DS-ST
Ngày: 10-6-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Bà Lê Thị Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Đào;

2. Bà Đào Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọc Bích Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Bà Lâm Phượng Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 556/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 12A/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962, địa chỉ: Tổ a, ấp T, xã S, Huyện D, tỉnh T. (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1968; địa chỉ: Số nhà 6c, ấp T2, xã S, Huyện D, tỉnh T. (vắng mặt)

Chị Trần Thị Thùy L, sinh năm 1996; địa chỉ: Số 6x, tổ b, ấp Ph, xã Su, Huyện D, tỉnh T (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chị Trần Thị Mỹ L1, sinh năm 1983; địa chỉ: khu phố LM, phường B, thị xã H, tỉnh T. (vắng mặt)

3.2 Anh Lê Quang V, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 5X/41, tổ z3, khu phố 3v, phường BT, quận Z, thành phố H. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của anh Lê Quang V: Chị Trần Thị Mỹ L1, sinh năm 1983; địa chỉ: khu phố LM, phường B, thị xã H, tỉnh T.(Văn bản ủy quyền ngày 01-7-2021)

3.3 Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam.

Địa chỉ: Tầng 1 và tầng 2 tòa nhà Sailing Tower số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4 Anh Võ Dương G; địa chỉ: Tổ a, ấp T, xã S, Huyện D, tỉnh T. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14-12-2020 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 19-01-2021 và trong quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và bà Ph có quen biết nhau. Vào ngày 02-02-2020 bà cho bà Ph, chị L (con ruột bà Ph) vay số tiền 150.000.000 đồng, khi vay bà Ph nói với bà mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, lãi suất 3%/tháng, hai bên có làm giấy nợ bà Ph và chị L cùng ký tên. Hẹn 01 tháng sau sẽ trả nhưng không ghi thời hạn trả vào giấy nợ. Đến hạn trả, bà gặp bà Ph thì bà Ph cứ hẹn nhưng không trả, sau đó bà Ph nói bán đất cho bà để cấn trừ nợ nhưng bà không gặp được bà Ph, không điện thoại được. Sau đó bà Ph trả cho bà 4.000.000 đồng tiền lãi; bà Ph chốt nợ lãi là 40.000.000 đồng, bà Ph trả được 5.000.000 đồng nữa còn lại 35.000.000 đồng. Bà phát hiện bà Ph đã chuyển nhượng phần đất diện tích 3.745 m^2 thửa 434 tờ bản đồ 20 cho anh Lê Quang V chị Trần Thị Mỹ L1 nhưng không trả tiền cho bà và đây là tài sản duy nhất còn lại của bà Ph. Nay bà yêu cầu bà Ph chị L trả cho bà số tiền 185.000.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng, tiền lãi là 35.000.000 đồng và yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 16-11-2020 giữa bà Nguyễn Thị Ph và anh Lê Quang V, chị Trần Thị Mỹ L1 đối với diện tích 3.745 m^2 thửa 434 tờ bản đồ 20 tọa lạc tại ấp T2, xã S, Huyện D, tỉnh T.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Ph trình bày:

Năm 2019 bà vay của Bà T số tiền 150.000.000 đồng, bà vay để xoay sở làm ăn, bà có ký tên vào giấy nợ, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/ngày/triệu, khi nhận tiền, bà trả tiền lãi trước 10 ngày là 7.500.000 đồng. Tới hạn 10 ngày thì bà

trả cho Bà T 100.000.000 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng. Khoảng 20 ngày sau bà không có tiền trả tiền lãi thì Bà T cho bà vay thêm 50.000.000 đồng (trong đó Bà T chỉ đưa thêm 40.000.000 đồng và trừ tiền lãi 10.000.000 đồng), tổng cộng là 100.000.000 đồng. Đến ngày 02-02-2020 âm lịch, bà không có tiền trả lãi thì Bà T cho bà vay thêm 50.000.000 đồng (trong đó Bà T chỉ đưa thêm 35.000.000 đồng và trừ tiền lãi 15.000.000 đồng). Bà T yêu cầu chị Trần Thị Thùy L ký tên vào giấy nợ, nhưng bà và Bà T thống nhất giấu chị L là chỉ vay 50.000.000 đồng, để cho chị L ký tên vào giấy nợ rồi sau đó mới chốt tổng nợ 150.000.000 đồng và ghi vào giấy nợ, sau khi ký tên thì chị L đi về, bà ở lại nhận tiền. Lãi suất vẫn thỏa thuận là 5.000 đồng/ngày/triệu. Bà đóng lãi đến tháng 03-2020 âm lịch, sau đó bà có điện thoại nói với Bà T là giảm tiền lãi cho bà, Bà T cũng đồng ý giảm lãi còn 6%/tháng. Bà đóng tiền lãi đầy đủ cho Bà T đến ngày 02-11-2020 âm lịch. Khi đóng tiền lãi thì bà trực tiếp đóng tiền lãi cho Bà T, có khi bà nhờ xe ôm đi đóng tiền lãi dùm, có 02 lần bà gửi cho người hàng xóm đóng tiền lãi cho Bà T, 01 lần 4.000.000 đồng và 01 lần 5.000.000 đồng thì Bà T có ghi biên nhận. Nay bà đồng ý trả cho Bà T số tiền 150.000.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi. Không đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do bà chuyển nhượng đất cho anh V chị L1 để trả tiền Ngân hàng.

Bị đơn - chị Trần Thị Thùy L trình bày: Chị L thừa nhận có ký tên vào giấy vay tiền giữa bà Ph với Bà T như người chứng kiến sự việc chứ chị L không vay tiền và nhận tiền của Bà T. Lúc ký giấy vay ghi 50.000.000 đồng, giờ số tiền vay 150.000.000 đồng là lừa dối. Cha mẹ chị đã ly hôn, chị đang sinh sống với cha, cuộc sống độc lập không phụ thuộc vào tài sản và các vấn đề khác với mẹ chị. Nay chị L không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Bà T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị Trần Thị Mỹ L1 trình bày:

Chị và anh Lê Quang V (chồng chị) không có họ hàng với bà Nguyễn Thị Ph. Vào tháng 11-2020 vợ chồng chị có thỏa thuận nhận chuyển nhượng của bà Ph một phần đất diện tích ngang 30,5m x dài hết đất, do đất của bà Ph không vuông vứt, tổng diện tích 3.731,1m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với số tiền 2.500.000.000 đồng. Anh Vlà người trực tiếp thỏa thuận với bà Ph. Khi đặt cọc chuyển nhượng đất thì anh Vtrực tiếp đặt cọc cho bà Ph. Ngày 16-11-2020 vợ chồng chị và bà Ph đến Văn phòng Công chứng số 1 để thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, vợ chồng chị đã giao đủ tiền cho bà Ph, bà Ph có ký nhận. Vợ chồng chị đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó vợ chồng chị đi thế chấp Giấy đất để vay tiền Ngân hàng với số 2.000.000.000 đồng. Cách nay khoảng 1,5 tháng vợ chồng chị nhận chuyển nhượng thêm một phần đất của chị ruột thứ 6 của bà Ph giáp ranh với đất của bà Ph diện tích 572,4m^2 với số tiền 150.000.000 đồng, mục đích nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là để hợp thửa với thửa đất mua của bà Ph cho vuông

vứt. Hiện nay vợ chồng chị đang thế chấp Giấy đất cho Ngân hàng VIB chi nhánh Tây Ninh để vay số tiền 2.500.000.000 đồng.

Chị không đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng chị và bà Ph, lý do vợ chồng chị nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là hợp pháp, khi nhận chuyển nhượng vợ chồng chị không biết bà Ph ngoài nợ Ngân hàng còn nợ những người khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Lê Quang V trình bày: Vào tháng 11/2020 vợ chồng anh có thỏa thuận nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Ph một phần đất diện tích ngang 30,5m x dài hết đất, do đất của bà Ph không vuông vứt, mặt hậu nhỏ hơn mặt tiền nên anh thỏa thuận mua mão, tổng diện tích 3.731,1m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với số tiền 2.500.000.000 đồng. Ngày 10-11-2020 anh đặt cọc cho bà Ph số tiền 500.000.000 đồng, tại thời điểm hai bên thỏa thuận chuyển nhượng thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Ph thế chấp cho Ngân hàng Kiên Long trên đường Cách mạng tháng Tám. Ngày 16-11-2020 vợ chồng anh và bà Ph đến Ngân hàng để bà Ph trả tiền Ngân hàng lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra và đến Văn phòng Công chứng số 1 để thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tôi đã giao đủ tiền cho bà Ph, bà Ph có ký nhận. Vợ chồng anh đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó thế chấp Giấy đất để vay tiền Ngân hàng với số 2.000.000.000 đồng. Cách nay khoảng 1,5 tháng anh nhận chuyển nhượng thêm một phần đất của chị ruột thứ 6 của bà Ph giáp ranh với đất của bà Ph diện tích 572,4m^2 với số tiền 150.000.000 đồng, mục đích anh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là để hợp thửa với thửa đất mua của bà Ph cho vuông vứt. Hiện nay anh thế chấp Giấy đất cho Ngân hàng VIB để vay số tiền 2.500.000.000 đồng. Anh không đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng anh và bà Ph, lý do vợ chồng anh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Anh Võ Dương G trình bày: Anh là con ruột của bà Nguyễn Thị T. Do mẹ anh đã lớn tuổi, sợ ốm đau thì không ai đi thu hồi nợ được nên trong mẫu giấy mượn tiền mẹ anh đánh máy sẵn có tên anh Võ Dương G, khi cho mượn tiền thì điền vào mẫu giấy này để người vay ký tên. Nay mẹ anh khởi kiện yêu cầu bà Ph, chị L trả tiền 150.000.000 đồng và tiền lãi. Anh không yêu cầu gì trong vụ án này, không yêu cầu bà Ph chị L trả tiền cho anh, mẹ anh tự quyết định mọi vấn đề liên quan đến vụ án.

Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam trình bày: Hiện anh Lê Quang V, chị Trần Thị Mỹ L1 đang vay của Ngân hàng số tiền 2.500.000.000 đồng và thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất thửa 784, tờ bản đồ 56, diện tích 4.303,5m^2. Ngân hàng không yêu cầu giải quyết nợ trước hạn của anh Vchị L1 và xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi liên quan chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản; buộc bà Ph và chị L có trách nhiệm trả cho Bà T số tiền nợ vay 150.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định của pháp luật xem xét khấu trừ số tiền lãi 9.000.000 đồng Bà T đã nhận của bà Ph. Không chấp nhận yêu cầu của Bà T về việc hủy hợp đồng CNQSDĐ ngày 16/11/2020 tại Văn phòng Công chứng số 1 tỉnh Tây Ninh số công chứng 8.917, quyển số 73.TP/CC – SCC/HĐGD giữa chị bà Ph với anh Vinh, chị L1 đối với phần đất QSDĐ thửa đất 434, tờ bản đồ 20, diện tích 3745m^2 tọa lạc xã Suối Đá, huyện DMC. Về án phí và chi phí tố tụng: Đương sự chịu án phí theo quy định của pháp luật. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà T khởi kiện bà Ph chị L yêu cầu trả tiền 185.000.000 đồng xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự và yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối tượng tranh chấp là quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã S, Huyện D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện D theo quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm c, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự đã được tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập nhưng Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với tranh chấp hợp đồng vay tài sản: Bà T yêu cầu bà Ph và chị L có trách nhiệm liên đới trả số tiền 150.000.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của Bà T thấy rằng: Vào ngày 02-02-2020 Bà T cho bà Ph và chị L vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Bà T cung cấp giấy mượn tiền ngày 02-2-2020 Al có chữ ký của bà Ph và chị L, bà Ph thừa nhận có vay của Bà T số tiền trên, lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/ngày/triệu. Bà Ph thừa nhận còn nợ và đồng ý trả số tiền nợ 150.000.000 đồng cho Bà T. Chị L không đồng ý cùng liên đới với bà Ph trả nợ cho Bà T cho rằng chỉ ký tên làm chứng và khi nhận nợ chỉ 50.000.000 đồng không phải 150.000.000 đồng; tuy nhiên Bà T không thừa nhận, chị L không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, căn cứ vào "giấy mượn tiền" đề ngày 02-02-2020 AL, bà Ph và chị L cùng ký nhận vào giấy vay số tiền 150.000.000 đồng nên Bà T yêu cầu bà Ph và chị L liên đới có trách nhiệm trả cho bà số tiền vay 150.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu trả tiền lãi: Bà T yêu cầu bà Ph và chị L trả tiền lãi 35.000.000 đồng. Bà T cho rằng hai bên có thỏa thuận miệng tiền lãi là 40.000.000 đồng nhưng sau đó bà Ph trả được 5.000.000 đồng thì ngưng đến nay. Bà Ph không thừa việc thỏa thuận trả số tiền lãi 40.000.000 đồng như Bà T trình bày. Bà Ph cho rằng đã trả lãi cho Bà T nhiều lần nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Tuy nhiên Bà T thừa nhận bà Ph có trả 02 lần tiền lãi với tổng số tiền 9.000.000 đồng (4.000.000 đồng và 5.000.000 đồng), không xác định được thời gian trả lãi và mức lãi suất. Trong giấy nhận nợ không thể hiện lãi suất, không thể hiện thời hạn vay. Hai bên đều thừa nhận có thỏa thuận lãi, không thỏa thuận thời hạn vay nên đây là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi. Do hai bên không thống nhất về mức lãi suất nên lãi suất được xác định theo khoản 2 Điều 468 BLDS tính từ ngày vay và khấu trừ số tiền lãi 9.000.000 đồng Bà T đã nhận của bà Ph, cụ thể:

150.000.000đồng x 27 tháng 16 ngày (từ ngày 02-02-2020 AL tức ngày 24-02-2020 dương lịch đến ngày 10-6-2022) x 0,83%/tháng = 34.279.000 đồng. Khấu trừ tiền lãi bà Ph đã trả cho Bà T là 9.000.000 đồng, như vậy bà Ph chị L còn phải trả cho Bà T số tiền lãi là 25.279.000 đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Bà T yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 16-11-2020 giữa bà Ph và anh Lê Quang V chị Trần Thị Mỹ L1 đối với diện tích 3.745m^2 thửa 434 tờ bản đồ 20 tọa lạc tại xã Suối Đá, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh vì cho rằng đây là tài sản duy nhất của bà Ph, bà Ph chuyển nhượng là tẩu tán tài sản nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Bà T. Xét thấy: Bà T cho bà Ph, chị L vay tiền không có tài sản đảm bảo, không thỏa thuận thời hạn vay. Bà Ph và chị L cùng ký tên nhận nợ do đó khoản nợ của Bà T không phải khoản nợ riêng của bà Ph. Ngày 20-3-2020, bà Ph thế chấp tài sản là QSDĐ thửa đất 434, tờ bản đồ 20, diện tích 3.745m^2 tọa lạc xã Suối Đá,

huyện DMC cho Ngân hàng Kiên Long để vay số tiền 1.500.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 121/20/HĐTD/2700-868462. Do không có tiền trả cho Ngân hàng nên bà Ph chuyển nhượng nhà đất cho anh Vvà chị L1 với giá 2,5 tỷ đồng. Căn cứ vào chứng cứ do các bên cung cấp và tài liệu do Tòa án thu thập thì ngày 10-11-2020, bà Ph nhận cọc của anh Vvà chị L1 số tiền 500.000.000 đồng, tiến hành giao tài sản là nhà đất cho anh Vinh, chị L1. Ngày 11-11-2020, bà Ph tất toán các khoản vay cho Ngân hàng Kiên Long với tổng số tiền 1.729.065.500 đồng, xóa thế chấp nhận lại giấy CNQSDĐ. Ngày 16-11-2020, bà Ph với anh Vvà chị L1 ký kết hợp đồng CNQSDĐ, đã giao đủ tiền và thực hiện thủ tục sang tên đúng theo quy định của pháp luật. Ngày 10-12-2020, anh Vvà chị L1 được cấp giấy CNQSDĐ. Ngày 14-12-2020, Bà T mới khởi kiện bà Ph và chị L yêu cầu trả tiền nợ vay. Anh Vvà chị L1 sau đó nhận chuyển nhượng thêm một phần đất của giáp ranh với đất nhận chuyển nhượng của bà Ph với diện tích 572.4m^2 để hợp thửa với thửa đất nhận chuyển nhượng của bà Ph cho vuông vứt, thành thửa 784, tờ bản đồ số 56, diện tích 4.303,5m^2 và thế chấp giấy CNQSDĐ cho Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB) để vay 2.500.000.000 đồng, đăng ký thế chấp đúng theo quy định của pháp luật. Xét thấy đây là các giao dịch dân sự độc lập với nhau. Việc anh Vvà chị L1 chuyển nhượng đất của bà Ph là ngay tình nên không có căn cứ xác định việc bà Ph chuyển nhượng đất cho anh Vinh, chị L1 là nhằm tẩu tán tài sản để trốn tránh nghĩa vụ. Do đó, Bà T khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng CNQSDĐ ngày 16-11-2020 giữa chị bà Ph với anh V, chị L1 đối với phần đất QSDĐ thửa đất 434, tờ bản đồ 20, diện tích 3745m^2 tọa lạc xã S, huyện D là không có căn cứ chấp nhận.

Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam không yêu cầu giải quyết hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với anh Vinh, chị L1.

[3] Xét thấy, đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Tòa án.

[4] Chi phí tố tụng:

Chi phí định giá tài sản, xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu 3.000.000 đồng theo quy định tại điều định tại Điều 157, 158, 165, 166 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà T đã nộp đủ.

[5] Về án phí: Căn cứ theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Ph, chị L phải chịu: 175.279.000 đồng x 5% = 8.763.950 đồng.

Bà T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 122, 124, 288, 295, 463, 468, 469, 503 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 147, 157, 158 165, 166, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với bà Nguyễn Thị Ph và chị Trần Thị Thùy L về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Buộc bà Nguyễn Thị Ph và chị Trần Thị Phương L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 175.279.000 (một trăm bảy mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi chín ngàn) đồng; trong đó tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 25.279.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc "Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

3. Chi phí tố tụng:

Bà T phải chịu 3.000.000 đồng chi phí định giá, xem xét thẩm định tại chỗ. (đã nộp đủ)

4. Về án phí:

Bà Ph và chị L phải chịu 8.763.950 (*tám triệu bảy trăm sáu mươi ba ngàn chín trăm năm mươi*) đồng.

Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí không có giá ngạch. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng Bà T đã nộp theo biên lai thu số 0005472 ngày 19-01-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu. (đã nộp đủ)

Bà T không phải chịu án phí có giá ngạch. Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho Bà T 4.625.000 đồng *(bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn)* đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005377 ngày 14-12-2020.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hánh án dân sự.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- THA Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu: Tập án, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Thị Thơ